

Vị thành niên và thanh niên Hà Nội: về sức khỏe sinh sản tiền hôn nhân

Đoàn Kim Thăng *

Tóm tắt: Việc nhận thức và thực hành kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân (THN)⁽¹⁾ không chỉ giúp vị thành niên và thanh niên (VTN - TN) hiểu rõ tình trạng sức khỏe của bản thân, mà còn giúp họ hiểu biết để chăm sóc lẫn nhau tốt hơn khi lập gia đình và để sinh ra những đứa con khỏe mạnh. Tuy nhiên, sự hiểu biết về chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKSS) ở nhóm tuổi VTN - TN vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế, đã và đang là thách thức lớn đối với chương trình chăm sóc sức khỏe tiền hôn nhân.

Từ khóa: Sức khỏe sinh sản; tiền hôn nhân; vị thành niên và thanh niên.

1. Mở đầu

Theo Điều tra biến động dân số - kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ) năm 2008, dân số Việt Nam dưới 25 tuổi chiếm 43,3% tổng dân số⁽²⁾, và VTN - TN độ tuổi 14 - 24 cũng chiếm tới 21,7% tổng dân số. Đây là lực lượng đông đảo quyết định tương lai và sự phát triển của đất nước. Chính vì vậy sức khỏe và phát triển của VTN - TN là vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước ta dành sự quan tâm đặc biệt. Bộ Y tế đã xây dựng Kế hoạch tổng thể quốc gia về bảo vệ chăm sóc và nâng cao sức khỏe của VTN - TN giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến 2020. Đây là một bước tiến quan trọng, định hướng cho các hoạt động CSSKSS cho VTN - TN trong những năm sắp tới, góp phần thực hiện thành công Chiến lược dân số - sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

Chăm sóc sức khỏe sinh sản VTN - TN là một trong những nội dung cơ bản đã được nhiều quốc gia hết sức quan tâm và nỗ lực thực hiện. Ở Việt Nam, kết quả một số nghiên cứu gần đây cho thấy VTN - TN đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ và

thách thức như: thiếu thông tin, kiến thức về CSSKSS và thiếu dịch vụ thích hợp cho lứa tuổi. Vì vậy có nhiều nguy cơ mang thai và sinh đẻ ngoài ý muốn; tỷ lệ nạo phá thai tăng, đặc biệt là nạo phá thai trong những điều kiện không an toàn nên đã phải gánh chịu những hậu quả hết sức nặng nề về tâm lý, sức khỏe và có nguy cơ cao mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục, nhất là HIV/AIDS. Trong một số công trình nghiên cứu gần đây cho thấy, VTN - TN tiền hôn nhân ở Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung đang được đánh giá là

(*) Thạc sĩ, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0962288096.

Email: thangdk298@gmail.com.

(1) Khái niệm “tiền hôn nhân” là giai đoạn từ lúc một người bắt đầu trưởng thành (có khả năng sinh sản) đến khi kết hôn. Một cách cụ thể hơn, từ trẻ ở tuổi vị thành niên (khi có khả năng sinh sản) cho đến người lớn ở độ tuổi dưới 30 hoặc 40, 50... (nhưng chưa kết hôn) đều là đối tượng thuộc giai đoạn THN. Ở lứa tuổi này, họ đều là những người cần quan tâm đến những vấn đề thuộc nội dung chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) THN.

(2) Nguồn: Điều tra quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam (lần thứ 2) (2008). Tổng cục Thống kê - Tổng cục Dân số & KHHGĐ và Ngân hàng Phát triển Châu Á, Hà Nội.

nhóm người dễ bị tổn thương về sức khỏe, đặc biệt là sức khỏe sinh sản. Do đó, việc chuẩn bị kiến thức, tâm lý cho cuộc sống tình dục vợ chồng nhằm khắc phục tối đa những lo lắng, sợ hãi, rối loạn cảm xúc, không thỏa mãn hoặc phòng tránh các lây nhiễm qua đường tình dục là điều rất cần thiết. Nghiên cứu này được thực hiện tại thành phố Hà Nội năm 2013 nhằm lý giải các vấn đề nêu trên⁽³⁾.

2. Đặc điểm nhân khẩu - xã hội của mẫu nghiên cứu

Cuộc khảo sát được tiến hành với 600 VTN - TN ở cả địa bàn nông thôn và đô thị, trong đó 46,7% mẫu ở đô thị và 53,3% mẫu thuộc địa bàn nông thôn. 99,5% mẫu khảo sát thuộc dân tộc Kinh và 0,5% thuộc dân tộc thiểu số. Về thành phần tôn giáo, đại bộ phận thanh niên được hỏi không theo tôn giáo nào (62,7%); 26,6% theo đạo Phật; 9,1% theo đạo Thiên Chúa và 1,6% theo tôn giáo khác.

Về trình độ học vấn của người được hỏi, 41,8% ở trình độ từ đại học trở lên; 30,6% trình độ phổ thông trung học; 19,2% trung cấp, chuyên nghiệp; 6,2% trình độ trung học cơ sở; 0,2% trình độ tiểu học và có 1,3% người được hỏi chỉ biết đọc, biết viết.

Tham gia trong cuộc khảo sát này, có 433 VTN - TN trong độ tuổi từ 15 - 24, chiếm 75,5% tổng số VTN - TN được khảo sát và 140 thanh niên từ 25 - 35 tuổi chiếm 24,5%.

Về nghề nghiệp: có 23,1% là cán bộ nhà nước; 18,9% là công nhân; 9,9% làm ruộng; 7,1% buôn bán và 4,3% nội trợ. Các ngành nghề khác của người được hỏi như: diễn viên, học sinh, kế toán, kỹ sư, luật sư và sinh viên chiếm hơn 1/3 số người được hỏi (36,6%).

Về hoàn cảnh kinh tế của người được hỏi: mức sống trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất (70,1%); khá giả (19,4%); nghèo (5,7%) và 1,5% thuộc diện hộ giàu...

3. Nhận thức của vị thành niên và thanh niên về khám sức khỏe tiền hôn nhân

3.1. Nhận thức của vị thành niên và thanh niên

Kết quả khảo sát chung cho thấy đại đa số những người chưa kết hôn được hỏi cho biết cần thiết phải khám sức khỏe THN (91,6%); có 6,7% thanh niên được hỏi không bày tỏ ý kiến về vấn đề này và 1,8% cho biết không cần thiết phải khám sức khỏe THN. Tại Hà Nội, kể từ năm 2007, khi mô hình sức khỏe THN bắt đầu được triển khai đến thời điểm khảo sát, chỉ có 0,3% thanh niên tham gia vào mô hình này, thì năm 2011 tỷ lệ thanh niên tham gia vào mô hình là cao nhất (46,8%); tiếp đến năm 2013 sự tham gia vào mô hình này giảm còn (33,3%).

Nhóm tuổi từ 15 - 24 có tỷ lệ tham gia sinh hoạt trong câu lạc bộ tiền hôn nhân là cao nhất (81,7%); tiếp đến nhóm tuổi từ 25 - 34 (73,4%); nhóm dưới 15 tuổi (40,0%).

Nguồn thông tin về câu lạc bộ THN được thanh niên tiếp nhận có tỷ lệ cao nhất là từ các cuộc họp Đoàn thanh niên (69,9%); từ đài phát thanh xã/phường (61,5%); phổ biến trong các cuộc họp xã/phường (24,4%). Các nguồn thông tin khác có tỷ lệ thấp nhất (0,2%).

Trả lời câu hỏi về lợi ích của việc khám sức khỏe THN, 86,2% cho rằng khám sức khỏe THN là có lợi ích, chỉ có 13,8% cho rằng khám sức khỏe THN là không có lợi ích.

Khi xem xét về nhóm tuổi người được hỏi, có sự khác nhau giữa các nhóm tuổi về lợi ích của việc khám sức khỏe THN. Nhóm từ 15 - 24 có tỷ lệ cho rằng việc khám sức

⁽³⁾ Địa bàn khảo sát: 12 xã, phường, thuộc quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Tây Hồ, Cầu Giấy, Hoàng Mai, huyện Từ Liêm, Phúc Thọ, Ba Vì, Mê Linh, Thanh Oai, Mỹ Đức và Mê Linh Tp. Hà Nội.

khỏe THN là có lợi ích cao nhất (73,6%); nhóm từ 25 - 35 tuổi (25,8%) và thấp nhất là nhóm tuổi dưới 15 tuổi (0,7%). Những lợi ích về khám sức khỏe THN là: phát hiện, điều trị sớm các bệnh tật ảnh hưởng đến SKSS (77,6%); tiếp đến là dự phòng các bệnh lý có thể xảy ra (63,6%); biết cách thực hiện sinh đẻ có kế hoạch (62,7%) và chuẩn bị để có cuộc sống tình dục thoải mái và an toàn (49,6%)...

Tương quan với nhóm tuổi người được hỏi có sự khác biệt giữa các nhóm. Nhóm từ 15 - 24 tuổi có những nhận thức về lợi ích của khám sức khỏe sinh sản THN cao hơn nhóm từ 25 - 35 tuổi khác về các nội dung liên quan đến sức khỏe sinh sản.

Trả lời câu hỏi “Theo anh, chị khám sức khỏe THN có ảnh hưởng gì tới sự phát triển bình thường của mình hay không?”, trong số 541 VTN - TN được hỏi có 87,6% cho biết bình thường không ảnh hưởng gì; 5,1% cho biết nếu khám nhiều lần sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của cơ thể và 7,3% không bày tỏ ý kiến. Điều này cho thấy còn những lỗ hổng về kiến thức của thanh niên liên quan đến khám sức khỏe THN cần được cập nhật và phổ biến. Xem xét ở các nhóm tuổi khác nhau, cho thấy tình trạng hiểu biết về khám sức khỏe THN có những khác nhau nhất định giữa các nhóm tuổi. Đặc biệt nhóm từ 15 - 24 tuổi có nhận thức tốt hơn về vấn đề này.

Học vấn có những ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức của VTN - TN về ý nghĩa của khám sức khỏe THN. Xem xét về vấn đề này trong mối tương quan về học vấn của những thanh niên được hỏi cho thấy thanh niên có học vấn từ đại học trở lên có tỷ lệ cao nhất khi nhận thức về sự bình thường của khám sức khỏe THN đến sự phát triển của cơ thể (90,1%). Tỷ lệ thanh niên được hỏi có trình độ cấp trung học cơ

sở trở xuống nhận thức về vấn đề này thấp hơn nhưng cũng ở mức 71,4%.

Thời điểm khám sức khỏe THN có ý nghĩa nhất định cho cả nam và nữ để có những chuẩn bị tốt nhất về sức khỏe trước khi bước vào cuộc sống hôn nhân gia đình. Kết quả trả lời câu hỏi: “Theo anh/chị nên khám sức khỏe THN cho bản thân mình vào thời điểm nào là thích hợp” cho thấy, cả nam và nữ VTN - TN được hỏi đều cho rằng thời điểm thích hợp nhất để khám sức khỏe THN là trước khi kết hôn (57,5%). Có 39,5% ý kiến cho rằng nên khám sức khỏe THN khi ở độ tuổi từ 10 - 19; 3,0% không bày tỏ ý kiến của mình trong cuộc khảo sát này. Khám sức khỏe định kỳ là điều cần làm để cho bản thân mỗi người luôn luôn có một cơ thể khỏe mạnh cả về sức khỏe vật chất lẫn sức khỏe tinh thần.

Nhóm từ 15 - 24 tuổi có tỷ lệ cao khi trả lời về thời điểm thích hợp để khám sức khỏe THN là trước kết hôn so với nhóm từ 25 - 35 tuổi (60,0%). Gần 50% số VTN - TN nhóm từ 25 - 35 tuổi cho biết cả nam và nữ độ tuổi từ 10 - 19 là thích hợp để đi khám sức khỏe THN. Tuy nhiên, do mẫu ngẫu nhiên này rất nhỏ nên tỷ lệ này không thật có ý nghĩa khi xem xét trong tương quan với các nhóm tuổi khác.

3.2. Những lo ngại và mong muốn sự hỗ trợ

Những lo ngại của VTN - TN được hỏi khi khám sức khỏe THN chủ yếu là lo lắng về kết quả xấu sẽ gây hoang mang cho bản thân (55,5%). Có 17,9% VTN - TN được hỏi lo ngại về chi phí khi đi khám sức khỏe THN. Phong tục tập quán cũng có những ảnh hưởng đến suy nghĩ và thực hành khám sức khỏe THN của VTN - TN, nhưng tỷ lệ này khá nhỏ (7,1%). Ngoài ra có 8,1% lo ngại khi đi khám sức khỏe THN sợ người xung quanh đàm tiếu; 7,6% lo ngại khi khám

sức khỏe THN có ảnh hưởng tới sức khỏe bản thân và 3,8% lo ngại do các lý do khác.

Một quan niệm khá phổ biến trong cộng đồng từ xưa đến nay là chỉ những phụ nữ đã có gia đình mới cần phải quan tâm đến các vấn đề về sức khỏe sinh sản. Người ta đồng nhất khái niệm sinh sản với sinh đẻ. Đây là một quan niệm hết sức sai lầm. Từ đây, rất nhiều cá nhân, gia đình và cả xã hội đã và đang phải chịu những hệ lụy hết sức đáng tiếc.

Chưa thể có những kết luận gì về yếu tố tôn giáo có ảnh hưởng như thế nào đến tâm thế khám sức khỏe THN của VTN - TN do số lượng mẫu được hỏi có thành phần tôn giáo không đều nhau. Tuy nhiên từ góc độ thành phần tôn giáo cũng thấy có những khác biệt trong ý kiến của VTN - TN được hỏi về những lo ngại khi khám sức khỏe THN. Nổi trội lên về lo ngại của VTN - TN khi khám sức khỏe THN là một tâm lý “lo ngại về kết quả xấu” khi đi khám. Tỷ lệ lo ngại này khá đồng đều giữa các nhóm VTN - TN ở các tôn giáo khác nhau và người không theo tôn giáo nào.

Biết được người xung quanh đã đi khám sức khỏe THN hay chưa cũng là thể hiện sự quan tâm về vấn đề này của những người được hỏi. Có 57,6% những VTN - TN cho biết họ có nghe nói ở nơi mình sinh sống có người đã đi khám sức khỏe THN; 23,5% ý kiến cho biết đã biết một vài trường hợp cụ thể ở nơi mình sống đã đi khám. Tuy nhiên, cũng còn gần ¼ số thanh niên được hỏi chưa nghe nói bao giờ (18,9%).

Khi được hỏi “Trong trường hợp nhà nước hỗ trợ chương trình để khám sức khỏe cho VTN - TN nhằm phát hiện sớm tật, bệnh theo anh/chị cách hỗ trợ như thế nào là tốt nhất cho cả việc mở rộng chương trình và chi trả cho người dân?”, có 55,5% cho biết nhà nước nên hỗ trợ toàn bộ;

27,9% cho biết muốn được nhà nước hỗ trợ một phần và người khám sẽ chi trả một phần; 12,5% thanh niên được hỏi không bày tỏ ý kiến khi đề cập về vấn đề này. Mức tiền đóng góp để chi trả khi khám sức khỏe THN người được hỏi nêu ra trong nghiên cứu này dao động từ cao nhất là 500.000 đồng và thấp nhất là 150.000 đồng.

Tại cuộc khảo sát này, trong số những VTN - TN được hỏi có 61,6% chưa từng đi khám sức khỏe THN lần nào và 38,4% đã từng đi khám. Khi xem xét về hỗ trợ của nhà nước đối với những VTN - TN đã từng đi khám và chưa đi khám sức khỏe tiền hôn nhân cho thấy ý kiến nhóm chưa từng đi khám có tỷ lệ cao hơn về sự hỗ trợ của nhà nước, cũng như sự tham gia đóng góp về kinh phí để khám sức khỏe THN. Tuy nhiên sự khác biệt giữa hai nhóm là không nhiều.

4. Nhu cầu và thực hành khám sức khỏe tiền hôn nhân

4.1. Nhu cầu của vị thành niên và thanh niên về khám sức khỏe tiền hôn nhân

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 85,8% VTN - TN được hỏi có nhu cầu khám sức khỏe THN. Tỷ lệ cao nhất là họ thấy được lợi ích của khám sức khỏe THN (70,2%); tự bản thân thấy có nhu cầu (41,8%); do cán bộ đoàn thanh niên vận động (32,8%); do cán bộ dân số xã/phường vận động (27,7%); do gia đình bảo đi khám (11,6%); do người yêu bảo đi khám (10,3%) và theo yêu cầu cần có giấy chứng nhận sức khỏe THN (9,7%).

Xem xét nhu cầu của vị thành niên và thanh niên theo tương quan giữa nhóm đã từng đi khám và nhóm chưa từng đi khám sức khỏe THN cho thấy: Nhóm đã từng đi khám có tỷ lệ cao về nhu cầu này. Cụ thể, 59,3% thấy bản thân tự có nhu cầu (nhóm chưa từng đi khám: 40,7%); 56,7% thấy được lợi ích của khám sức khỏe THN (nhóm chưa từng đi khám: 43,3%).

Công tác vận động của cán bộ đoàn thanh niên có tác động đến VTN - TN trong việc đi khám sức khỏe THN. Nhóm chưa từng đi khám có tỷ lệ vận động của cán bộ đoàn thanh niên, của người yêu và gia đình cao hơn so với nhóm đã từng đi khám. Vai trò của các kênh truyền thông như cán bộ đoàn thanh niên, cán bộ dân số xã/phường thấy nổi rõ trong công tác tuyên truyền vận động VTN - TN khám sức khỏe tiền hôn nhân, đặc biệt đối với nhóm chưa từng đi khám sức khỏe THN lần nào.

Khoảng 14,5% VTN - TN trong mẫu khảo sát bày tỏ ý kiến không có nhu cầu khám sức khỏe THN, vì họ cho rằng tự họ thấy “đủ sức khỏe để kết hôn” (74,3%); ngại mất thời gian và chi phí tốn kém (24,3%); hay trước đây bố mẹ tôi không khám cũng không sao (21,6%) và “ngại sợ mọi người đàm tiếu” (20,3%). Đây cũng là vấn đề mà công tác truyền thông cần lưu ý để tuyên truyền vận động VTN - TN đi khám sức khỏe THN. Hơn thế nữa cũng đã đến lúc cần có thể phải pháp lý hóa vấn đề khám sức khỏe THN để bảo đảm cho các đôi lứa khi tiến đến hôn nhân hoàn toàn có sức khỏe sinh sản khỏe mạnh, bảo đảm hạnh phúc gia đình và duy trì tốt giống nòi.

4.2. Thực hành khám sức khỏe tiền hôn nhân

Trong tổng số những VTN - TN được hỏi có 38,4% đã từng đi khám sức khỏe THN. Trạm y tế xã/phường là nơi mà họ đến khám nhiều nhất (47,9%); các cơ sở y tế như trung tâm y tế huyện (16,1%); phòng khám đa khoa khu vực (4,3%). Bệnh viện tỉnh/thành phố hoặc bệnh viện trung ương chỉ chiếm 2,4% và các cơ sở y tế tư nhân là 1,9%. Có 25,1% VTN - TN đi khám ở các thầy lang, người hành nghề y tế tư nhân.

Theo tương quan nhóm tuổi của những VTN - TN đã từng đi khám sức khỏe THN

thì ở các nhóm tuổi khác nhau, cũng có những tiếp cận khác nhau với các cơ sở y tế công và tư. VTN - TN độ tuổi dưới 15 trong cuộc khảo sát này có mẫu rất nhỏ, nên không có ý nghĩa nhiều khi sử dụng để phân tích trong tương quan với nhóm tuổi khác. Tương quan này chỉ được xem xét đối với các nhóm VTN - TN ở độ tuổi từ 15 - 24 và từ 25 - 35 tuổi.

Kết quả khảo sát cho thấy các cơ sở y tế như bệnh viện chuyên khoa Trung ương, bệnh viện tư và y tế xã/phường là các địa chỉ mà VTN - TN được hỏi đến khám sức khỏe THN nhiều nhất. Tuy nhiên, còn có hơn 1/3 số VTN - TN nhóm tuổi từ 15 - 24 lựa chọn thầy lang là nơi để đến khám sức khỏe THN của mình (32,4%). Tỷ lệ này ở nhóm từ 25 - 34 tuổi là rất thấp (8,5%).

5. Vai trò của mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân tại cộng đồng trên địa bàn thành phố Hà Nội

5.1. Hình thức tổ chức và nội dung thông tin

Hình thức tổ chức sinh hoạt của các câu lạc bộ sức khỏe THN chủ yếu là lồng ghép vào các sinh hoạt của cộng đồng (35,6%); tổ chức riêng theo từng đợt (30,7%). 29,6% ý kiến được hỏi cho rằng các câu lạc bộ sinh hoạt theo tháng một lần. Tỷ lệ các câu lạc bộ sinh hoạt theo tuần một lần là rất ít chỉ chiếm 2,7%. Thanh niên và vị thành niên tham gia các buổi sinh hoạt được cung cấp các tài liệu về truyền thông đã phát huy được hiệu quả tuyên truyền cho người tham gia sinh hoạt câu lạc bộ để nhân rộng ra cho các đối tượng trong cộng đồng. 71,2% VTN - TN tham gia sinh hoạt được cung cấp về các cách phòng tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục; 65,5% được trang bị kiến thức về nguy cơ khi mang thai ở tuổi VTN; 59,6% biết nơi đến để khám sức khỏe và tư vấn về chăm sóc sức khỏe THN;

55,8% biết các kiến thức và dấu hiệu của tuổi dậy thì; và 50,8% biết được các kiến thức về sự thụ thai, phòng tránh thai.

5.2. Năng lực cán bộ và tính hiệu quả của mô hình đã thực hiện

Kết quả đánh giá cho thấy 66,6% ý kiến các VTN - TN được hỏi cho biết năng lực cán bộ trong việc tổ chức và thực hiện mô hình tại các địa phương là tốt. Tỷ lệ đánh giá rất tốt là 20,6%. Như vậy nếu đánh giá chung về năng lực cán bộ thực hiện mô hình ở các địa phương rất tốt và tốt thì tỷ lệ này là rất cao 87,2%. Mô hình có được kết quả tốt ngoài những vấn đề thuộc về cơ sở vật chất, kinh phí thì yếu tố con người là rất quan trọng. Với tỷ lệ cao của VTN - TN đánh giá về năng lực cán bộ thực hiện mô hình là tiền đề tốt để các câu lạc bộ THN đạt hiệu quả cao.

Xem xét vấn đề về hiệu quả của mô hình đã thực hiện tại các địa phương cho thấy: hoạt động tư vấn đã thực hiện có hiệu quả cao (93,1%). Trong đó có 73,6% ý kiến người được hỏi đánh giá hoạt động tư vấn là hiệu quả và 19,5% ý kiến cho rằng hoạt động này là rất hiệu quả. Tỷ lệ ý kiến đánh giá hiệu quả hoạt động của mô hình không cao chỉ chiếm 3,0% và còn 3,9% VTN - TN được hỏi không bày tỏ ý kiến của mình về vấn đề này.

Về hoạt động khám sức khỏe THN, 75,2% ý kiến VTN - TN được hỏi cho biết hoạt động này là có hiệu quả và 14,4% cho rằng rất hiệu quả. Tỷ lệ đánh giá hoạt động này còn chưa hiệu quả chiếm 4,5% và còn 5,9% các VTN - TN không bày tỏ ý kiến khi hỏi về vấn đề này.

6. Kết luận

Trong những năm qua, mô hình tư vấn và khám sức khỏe THN đã được Tp. Hà Nội tổ chức thực hiện đạt hiệu quả, đáp ứng nhu cầu nâng cao hiểu biết và nâng cao kỹ

năng thực hành CSSKSS/KHHGD của một bộ phận nam, nữ thanh niên trong độ tuổi chuẩn bị kết hôn ở địa phương, góp phần đảm bảo hôn nhân bền vững và nâng cao chất lượng giống nòi.

Mô hình tư vấn và khám sức khỏe THN đã thu hút nhiều VTN - TN tham gia. Thông qua các hoạt động này VTN - TN đã hiểu biết thêm về kiến thức CSSKSS và tự chăm sóc cải thiện sức khỏe bản thân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giúp những người tham gia mô hình có được đời sống khỏe về thể chất, thoải mái về tinh thần.

Thực tế cho thấy, VTN - TN ngày nay đã được quan tâm giáo dục, phổ biến kiến thức về CSSKSS/KHHGD, sức khỏe THN thông qua các mô hình truyền thông dành cho VTN - TN như: câu lạc bộ, góc truyền thông về SKSS vị thành niên, thanh niên; giáo dục đồng đẳng SKSS vị thành niên, thanh niên; câu lạc bộ tiền hôn nhân,... đã giúp cho đối tượng nam, nữ thanh niên được tư vấn sớm phát hiện, phòng ngừa và hướng dẫn điều trị các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe khi kết hôn, khi mang thai, sinh đẻ và các nguy cơ sinh con bị bệnh, tật bẩm sinh. Từ nhận thức và thái độ này, nhiều nam nữ VTN - TN đã có những thực hành khám, tư vấn sức khỏe THN với tỷ lệ cao.

Phân tích về tương quan lứa tuổi, nghiên cứu này cũng cho thấy vai trò tác động của thông tin truyền thông qua các kênh trực tiếp và gián tiếp đề thái độ và hành vi khám sức khỏe THN của VTN - TN được hỏi. Kênh thông tin trực tiếp thông qua các cuộc họp đoàn thanh niên, từ cán bộ dân số xã/phường đã phát huy tác dụng nâng cao nhận thức cho VTN - TN. Có một mối tương quan giữa độ tuổi đến mức độ nhận thức về khám sức khỏe THN của những người được hỏi. Độ tuổi dưới 15 tuổi còn có một khoảng trống trong kiến thức và thực

hành khám sức khỏe sinh sản THN cần được tăng cường kiến thức.

Việc kiểm tra sức khỏe THN là một việc làm khoa học, cần thiết để bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình và xã hội. Thông qua đó, các bạn trẻ không chỉ được hiểu rõ về tình trạng sức khỏe của nhau để “cân nhắc” việc chung sống với nhau lâu dài mà còn có thể chăm sóc nhau tốt hơn trong cuộc sống gia đình sau này; giúp nhau phòng tránh và điều trị sớm một số bệnh có thể ảnh hưởng đến vấn đề tình dục, mang thai; tiên lượng và phòng tránh một số bệnh cho con... Tuy nhiên, hiện nay, vấn đề này vẫn đang còn bị xem nhẹ và còn có những rào cản. Trước hết là do tâm lý của một số bạn trẻ còn e ngại khi đi khám sức khỏe có thể sẽ phát hiện ra bệnh, hoặc chủ quan nghĩ rằng mình không thể mắc bệnh và cho rằng khám sức khỏe là không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau.

Ngoài ra, khi đi kiểm tra sức khỏe THN thì chỉ có tư vấn là được miễn phí, còn các xét nghiệm, siêu âm... thì người tới khám phải tự bỏ tiền ra, nên cũng là lý do để nhiều cặp vợ chồng sắp cưới e ngại, đặc biệt là đối với những người sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn.

7. Kiến nghị giải pháp

Chăm sóc sức khỏe sinh sản THN muốn thực hiện được tốt, trước hết phải chú trọng công tác truyền thông, giáo dục đi đôi với công tác tư vấn cho các đối tượng THN. Vì việc cung cấp kiến thức về SKSS, tư vấn, khám và tiến hành thực hiện các xét nghiệm nhằm xác định tình trạng sức khỏe, khả năng sinh sản và phát hiện sớm các bệnh tật, điều trị bệnh, thực hiện các biện pháp dự phòng là rất cần thiết để VTN - TN có cơ sở tốt xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Tư vấn và khám sức khỏe THN giúp cho nam và nữ độ tuổi THN tránh được các vấn đề về sức khỏe trong hôn nhân, nâng cao

kiến thức, kỹ năng sống, tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho bản thân, đảm bảo sức khỏe để tham gia lao động, đồng thời hạn chế và ngăn ngừa các nguy cơ dị tật, khuyết tật ở con cái, góp phần sinh ra những công dân khỏe mạnh. Chăm sóc sức khỏe sinh sản THN chính là bước đi đầu tiên để con người xây dựng một cuộc sống thực sự hạnh phúc.

Bên cạnh đó, để việc tư vấn và khám sức khỏe THN được thực hiện hiệu quả hơn, cần luật hóa các nội dung chủ yếu quy định về quy trình, nội dung tư vấn; nhu cầu và điều kiện của nam, nữ được tư vấn; điều kiện và trách nhiệm của cơ sở dịch vụ y tế thực hiện tư vấn, khám sức khỏe... Để đảm bảo chất lượng dân số, một trong những phương hướng mới là cần tiếp tục tuyên truyền sâu rộng tới các tầng lớp nhân dân để hiểu rõ về công tác khám sức khỏe THN.

Ngoài sự nỗ lực của ngành dân số, cần sự vào cuộc của các cấp, ngành trong công tác truyền thông, nâng cao nhận thức và quan trọng nhất là chính bản thân của người trong cuộc phải ý thức được rằng khám sức khỏe trước khi kết hôn là “điều kiện cần và đủ” để tiến tới hôn nhân an toàn, hạnh phúc, bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế và Tổng cục Dân số - KHHGD (2011), *Nội dung chủ yếu Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2010 - 2020*.
2. Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê (2004 và 2009), *Điều tra Vị thành niên và thanh niên Việt Nam (SAVY 1 và SAVY 2)*.
3. Chi cục Dân số - KHHGD Hà Nội (2013), *Số liệu khảo sát: “Đánh giá nhu cầu và thực trạng hoạt động của mô hình Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân tại cộng đồng” tại 10 quận/huyện năm 2013*.
4. Số liệu khảo sát đề tài tại 12 xã/phường thuộc 12 quận/huyện Tp. Hà Nội, 2013.

